

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

\*\*\*\*\*

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng

Căn cứ báo cáo kiểm toán ngày 13/02/2017 của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC địa chỉ 78-80 Đường 30 tháng 4 Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng .

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

| TT | CHỈ TIÊU                                                            | Năm 2016<br>VNĐ | Năm 2015<br>VNĐ |
|----|---------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản                                                | 50,524,649,145  | 55,262,549,861  |
| 2  | Doanh thu thuần                                                     | 256,693,775,176 | 196,049,365,795 |
| 3  | Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh                          | 3,567,558,490   | 2,476,464,846   |
| 4  | Lợi nhuận khác                                                      | -40,742,237     | 529,619,184     |
| 5  | Lợi nhuận trước thuế                                                | 3,526,816,253   | 3,006,084,030   |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế                                                  | 2,816,116,822   | 2,326,460,458   |
| 7  | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức<br>(Cổ tức 2016 dự kiến 10%/Vốn điều lệ) | 71.67           | 86.75           |
|    |                                                                     |                 |                 |
|    |                                                                     |                 |                 |
|    |                                                                     |                 |                 |

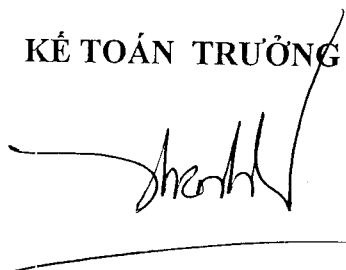
## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

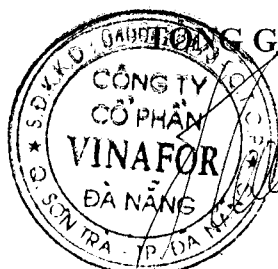
| TT       | CHỈ TIÊU                                                   | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------|------------------------------------------------------------|----------|----------|
| <b>1</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                     |          |          |
|          | - Hệ số thanh toán ngắn hạn                                | 1.679    | 1.388    |
|          | - Hệ số thanh toán nhanh                                   | 0.873    | 0.506    |
| <b>2</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                              |          |          |
|          | - Hệ số nợ/Tổng tài sản                                    | 0.378    | 0.152    |
|          | - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                  | 0.713    | 0.885    |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                      |          |          |
|          | - Vòng quay hàng tồn kho:                                  | 12.210   | 9.756    |
|          | - Doanh thu thuần/Tổng tài sản                             | 5.081    | 3.548    |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                       |          |          |
|          | - Hệ số lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần                | 0.011    | 0.012    |
|          | - Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu                 | 0.095    | 0.079    |
|          | - Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản                   | 0.056    | 0.042    |
|          | - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần | 0.014    | 0.013    |
|          |                                                            |          |          |
|          |                                                            |          |          |

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2017

KẾ TOÁN TRƯỞNG



*Thái Văn Khoa*



*Nguyễn Đức Huy*